



CẬP NHẬT ĐHCĐ 2026

## Tổng Công ty IDICO – CTCP (IDC: HNX)

Giá mục tiêu: **52.900 Đồng**

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**

Tăng giá: **17,0%**

Ngày 04/05/2026



### Triển vọng nhu cầu cho thuê tích cực trong năm 2026

IDC hiện đang giao dịch ở mức P/E và P/B dự phóng 2026 lần lượt là 8,1x và 2,1x, thấp hơn trung bình ngành là 11,9x và 1,83x. Sở hữu danh mục khu công nghiệp có vị trí đặc địa tại trung tâm khu công nghiệp phía Bắc và phía Nam, với 1.441 ha đất sẵn sàng cho thuê — xếp thứ ba trong số các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành — công ty có mức lợi suất cổ tức hấp dẫn 8,6% trong năm 2026. Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu IDC, với giá mục tiêu 1 năm là **52.900 đồng/cổ phiếu** theo phương pháp SOTP, tương đương tiềm năng tăng giá là 17%.

#### Luận điểm đầu tư

- Mở rộng quỹ đất hiện hữu:** IDC đã được phê duyệt đầu tư 3 khu công nghiệp mới với tổng diện tích 826,8 ha — tương đương 60% quỹ đất còn lại sẵn sàng cho thuê hiện tại của IDC — dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động từ cuối năm 2026. Chúng tôi cho rằng danh mục khu công nghiệp đa dạng của IDC, tập trung tại các trung tâm khu công nghiệp phía Bắc và phía Nam, góp phần đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn.
- Nhu cầu cho thuê dự kiến phục hồi trong năm 2026:** Diện tích cho thuê mới và ký biên bản ghi nhớ (MOUs) trong năm 2026 ước đạt 100 ha (+32% svck), trong đó 35 ha đến từ các hợp đồng chuyển tiếp từ năm 2025. Chúng tôi cho rằng nhu cầu thuê khu công nghiệp tăng mạnh trong năm 2026 chủ yếu đến từ khách thuê mới tại các khu công nghiệp sắp đi vào hoạt động như Tân Phước 1 và Vĩnh Quang.
- Lợi suất cổ tức cao:** IDC duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức 40% (bao gồm cả tiền mặt và cổ phiếu), tương đương lợi suất cổ tức 8,6% trong năm 2026.

#### Điểm nhấn KQKD

- Trong năm 2025, IDC đã cho thuê 76 ha đất khu công nghiệp và cho thuê 23.431 m<sup>2</sup> nhà xưởng xây sẵn. Trong đó, khu công nghiệp Hựu Thạnh và khu công nghiệp Cầu Ngàn đóng góp tổng cộng 41 ha, trong khi khu công nghiệp Quế Võ 2 ghi nhận 16 ha diện tích cho thuê.
- Sang năm 2026, chúng tôi kỳ vọng doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 9.898 tỷ đồng (+15% svck) và 2.437 tỷ đồng (+4% svck) – phù hợp với kế hoạch của công ty.

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	7.237	8.846	8.588	9.898
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	1.393	1.996	1.932	2.040
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	-21,2%	43,3%	-3,2%	5,6%
EPS (VND)	4.221	6.048	5.855	6.182
ROE (%)	22,8%	33,2%	29,7%	28,3%
Nợ/VCSH	0,57	0,5	0,71	0,65
Tỷ suất cổ tức (%)	8,1%	8,1%	7,1%	8,6%
P/E (x)	11,73	8,18	8,45	8,01
P/B (x)	2,60	2,30	2,18	2,1
EV/EBITDA (x)	4,70	5,74	5,58	6,43

Nguồn: IDC, SSI Research

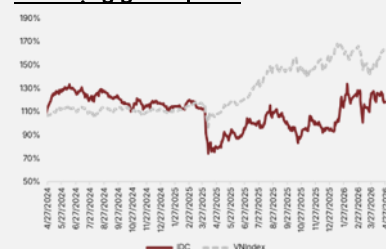
**Đào Minh Châu, CFA**

Phó Giám đốc TTPT

[chaudm@ssi.com.vn](mailto:chaudm@ssi.com.vn)

Giá CP - VND (29/04/26)	45.200
Vốn hóa (USDmn):	661
SLCP lưu hành (triệu cp):	379
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	3,4
Giá cao/thấp 52T (k VND):	51,8/30,7
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	6,0
Tỷ lệ SHNN (%):	16,7
GTNN còn được mua (USDmn):	213,8
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0,0

#### Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

#### Thông tin cơ bản về công ty

Tổng Công ty IDICO (IDC) tiền thân là Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam được thành lập ngày 06 tháng 12 năm 2000 theo Quyết định số 26/2000 / QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. IDC chuyên đầu tư, phát triển và kinh doanh các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

## Điểm nhấn ĐHCĐ

**Kế hoạch kinh doanh năm 2026:** Doanh thu thuần đạt 7.474 tỷ đồng (+5% svck), lợi nhuận trước thuế đạt 2.903 tỷ đồng (không đổi so với năm 2025). Trong đó, hoạt động thuê đất khu công nghiệp là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận. Trong năm 2026, mảng này dự kiến đóng góp khoảng 65% tổng lợi nhuận trước thuế của IDC, với diện tích cho thuê mới và MOUs kế hoạch đạt 100 ha, tăng 32% svck. Tăng trưởng được kỳ vọng đến từ các khu công nghiệp cốt lõi như Hựu Thạnh và Cầu Nghìn, cùng với hai khu công nghiệp mới là Vĩnh Quang và Tân Phước 1, dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động trong nửa cuối năm 2026.

**Cổ tức:** IDC đặt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2026 ở mức 40%, bao gồm cả cổ tức tiền mặt và cổ phiếu. Theo đó, lợi suất cổ tức đạt 8,6%.

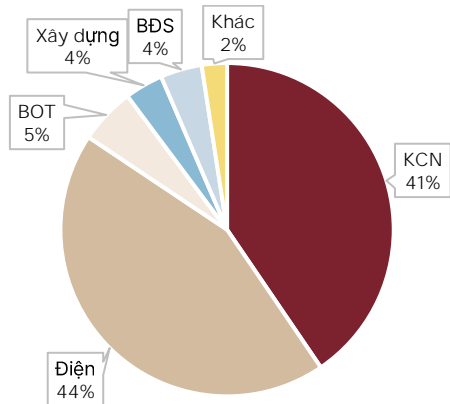
**Kế hoạch đầu tư:** Tổng vốn đầu tư trong năm 2026 dự kiến đạt 7,74 nghìn tỷ đồng (gấp 4,9 lần svck). Trong đó, đầu tư vào mảng khu công nghiệp đạt 5.136 tỷ đồng, tăng 117% svck, chủ yếu được phân bổ cho đền bù giải phóng mặt bằng và phát triển hạ tầng tại các dự án mới như Tân Phước 1, Vĩnh Quang và khu công nghiệp Phú Long.

## Triển vọng

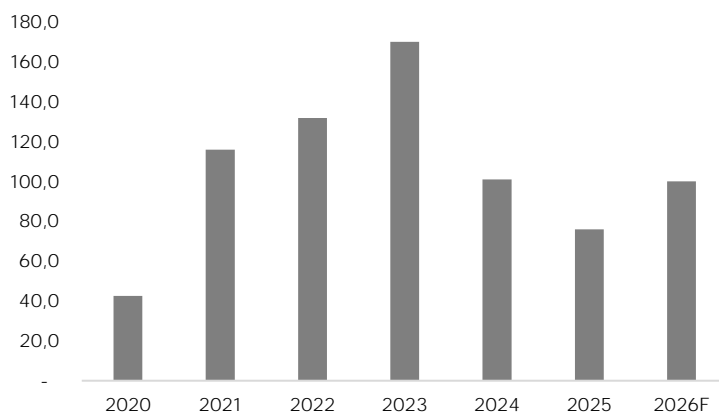
Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2026 của IDC lần lượt đạt 9,8 nghìn tỷ đồng (+15% svck) và 2,4 nghìn tỷ đồng (+4% svck). Tăng trưởng lợi nhuận được kỳ vọng chủ yếu đến từ khu công nghiệp Tân Phước 1, dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động vào cuối Q4/2026. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp tại Tân Phước dự kiến đạt 38%, thấp hơn đáng kể so với mức bình quân 56% của các khu công nghiệp hiện hữu của IDC.

**Hợp đồng mới và MOUs:** Diện tích cho thuê mới và MOUs trong năm 2026 dự kiến đạt 100 ha (+32% svck), trong đó 35 ha đến từ các hợp đồng chuyển tiếp từ năm 2025. Chúng tôi cho rằng nhu cầu thuê khu công nghiệp cải thiện mạnh trong năm 2026 chủ yếu đến từ khách thuê mới tại các khu công nghiệp sắp đi hoạt động như Tân Phước 1 và Vĩnh Quang.

Cơ cấu doanh thu theo từng mảng trong năm 2025



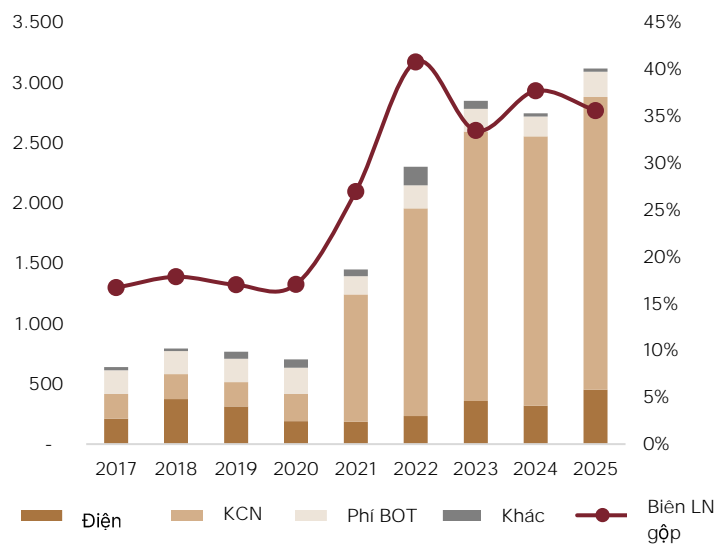
Diện tích hợp đồng đã ký và MOU (ha), giai đoạn 2020–2026



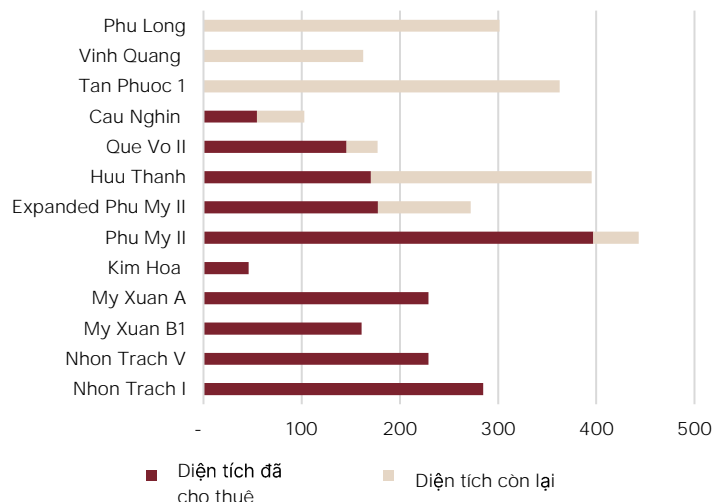
Nguồn: IDC

**Mảng điện.** IDC sở hữu hai dự án thủy điện Srok Phu Miêng và Đăk Mi 3 với tổng công suất 114 MW, cùng với ba trạm biến áp bao gồm Tuy Hạ, Nhơn Trạch 5 và Hựu Thạnh giai đoạn 1, có tổng công suất 481 MW. Trong năm 2026, doanh thu từ mảng điện đạt 4.176 tỷ đồng, tăng 4% svck, nhờ mức tiêu thụ điện tại các khu công nghiệp tăng 3% svck. Biên lợi nhuận gộp của mảng này đạt 11,7%, đi ngang so với năm 2025.

## Lợi nhuận gộp (tỷ đồng) và biên lợi nhuận gộp (%) theo từng mảng



## Diện tích đã cho thuê và diện tích còn lại (ha) năm 2025



Nguồn: IDC

**Mảng thu phí BOT:** IDC thu phí từ hai trạm BOT gồm BOT An Sương – An Lạc và BOT Quốc lộ 51. Chúng tôi dự báo doanh thu thu phí năm 2026 đạt 490 tỷ đồng (+2% svck), được hỗ trợ bởi lưu lượng phương tiện tăng 1,8% svck. Mảng này ghi nhận kết quả hoạt động tích cực với biên lợi nhuận gộp đạt 43%.

**Dự án tăng trưởng trong tương lai:** IDC đã được phê duyệt 3 khu công nghiệp mới với tổng diện tích 826,8 ha (tương đương 60% quỹ đất sẵn sàng cho thuê còn lại):

- **Khu công nghiệp Tân Phước 1** đã hoàn tất toàn bộ thủ tục pháp lý, trong đó 360 ha đã hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng và 110 ha còn lại dự kiến hoàn tất trước ngày 1/7/2026. Dự án đang thu hút sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư nhờ chính sách ưu đãi thuế và định hướng ngành nghề ưu tiên, đồng thời công tác san lấp mặt bằng và xây dựng hạ tầng giao thông đang được triển khai. MOUs dự kiến sẽ bắt đầu được ký kết từ đầu Q4/2026.
- **Khu công nghiệp Vĩnh Quang** đã hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng và đặt mục tiêu cho thuê giai đoạn 1 với diện tích 165 ha vào cuối năm. Là khu công nghiệp sinh thái, Vĩnh Quang sở hữu lợi thế khác biệt trong việc thu hút dòng vốn FDI bền vững. MOUs dự kiến bắt đầu được ký từ Q4/2026, trong khi ghi nhận doanh thu từ năm 2027.

Bảng. Danh mục khu công nghiệp của IDC, 2026

KCN	Diện tích (ha)	Tổng diện tích cho thuê (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Diện tích còn lại (ha)	Giá thuê (USD/m <sup>2</sup> /chu kỳ thuê)	Vốn đầu tư (nghìn tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của IDC (%)
Nhơn Trạch I	382	284	100%	-		458	100%
Nhơn Trạch V	309	229	100%	-		329	100%
Mỹ Xuân B1	227	160	100%	-		544	51%
Mỹ Xuân A	302	229	100%	-		342	100%
Kim Hoa	50	46	100%	-		252	100%
Phú Mỹ II	621	443	86%	63	124	1.601	100%
Phú Mỹ II mở rộng	398	272	62%	105	126	1.142	100%
Hựu Thạnh	524	395	39%	241	156	7.300	100%
Quế Võ II	297	177	73%	48	136	1.489	51%
Cầu Nginh	184	103	53%	48	78	1.032	100%
Tân Phước 1	470	363	0%	363		5.937	65%
Mỹ Xuân B1 mở rộng	110	110	0%	110		2.000	51%
Vinh Quang giai đoạn 1	226	162	0%	162		3.550	100%
Phú Long	416	301	0%	301		4.960	75%

**Rủi ro:** (1) Nhu cầu thuê đất giảm khi dòng vốn FDI chậm lại do tác động từ tình hình kinh tế toàn cầu; (2) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tăng tại các dự án mới có thể khiến biên lợi nhuận giảm từ mức trên 50% xuống còn khoảng 35%–38% sau năm 2026.

### Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.333	2.188	553	461
+ Đầu tư ngắn hạn	909	2.264	6.807	5.446
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.400	1.504	1.157	1.503
+ Hàng tồn kho	1.299	1.400	1.298	1.092
+ Tài sản ngắn hạn khác	74	54	41	50
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>6.017</b>	<b>7.422</b>	<b>9.856</b>	<b>8.552</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	46	103	81	85
+ GTCL Tài sản cố định	9.371	3.069	2.930	3.223
+ Bất động sản đầu tư	104	478	210	104
+ Tài sản dài hạn dở dang	1.322	4.958	7.094	7.803
+ Đầu tư dài hạn	2.830	2.539	2.574	2.703
+ Tài sản dài hạn khác	157	228	454	178
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>11.703</b>	<b>11.378</b>	<b>13.344</b>	<b>14.096</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>17.720</b>	<b>18.800</b>	<b>23.200</b>	<b>22.647</b>
+ Nợ ngắn hạn	3.986	4.533	5.620	5.732
Trong đó: vay ngắn hạn	937	1.143	2.611	2.350
+ Nợ dài hạn	7.529	7.059	9.317	8.683
Trong đó: vay dài hạn	2.584	1.992	3.265	2.994
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>11.515</b>	<b>11.592</b>	<b>14.937</b>	<b>14.415</b>
+ Vốn góp	3.300	3.300	3.794	3.794
+ Thặng dư vốn cổ phần	44	44	44	44
+ Lợi nhuận chưa phân phối	874	1.477	1.722	1.825
+ Quỹ khác	719	714	714	719
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>6.205</b>	<b>6.318</b>	<b>8.263</b>	<b>8.232</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.720</b>	<b>18.800</b>	<b>23.200</b>	<b>22.647</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.321	4.085	3.913	3.522
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	(400)	(1.475)	(7.009)	(7.710)
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	(96)	(1.755)	1.460	4.098
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>824</b>	<b>855</b>	<b>(1.636)</b>	<b>(91)</b>
Tiền đầu kỳ	637	1.333	2.188	552
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>1.462</b>	<b>2.188</b>	<b>552</b>	<b>461</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,51	1,64	1,75	1,49
Hệ số thanh toán nhanh	1,18	1,33	1,52	1,30
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,33	0,48	0,10	0,08
Nợ ròng / EBITDA	0,40	(0,49)	(0,41)	(0,17)
Khả năng thanh toán lãi vay	15,11	11,91	22,96	21,55
Ngày phải thu	117,03	75,85	47,74	63,87
Ngày phải trả	1,46	1,51	1,24	1,28
Ngày tồn kho	107,15	106,13	86,00	72,10
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,35	0,34	0,36	0,36
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,65	0,62	0,64	0,64
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,86	1,83	1,81	1,75
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,50	0,71	0,65
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,18	0,32	0,29

Nguồn: IDC, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.237</b>	<b>8.846</b>	<b>8.588</b>	<b>9.898</b>
Giá vốn hàng bán	(4.815)	(5.509)	(5.528)	(6.682)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.422</b>	<b>3.337</b>	<b>3.060</b>	<b>3.216</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	221	168	321	396
Chi phí tài chính	(188)	(136)	(142)	(177)
Thu nhập từ các công ty liên kết	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	(84)	(84)	(84)	(84)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(164)	(163)	(191)	(217)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<b>2.093</b>	<b>2.974</b>	<b>2.840</b>	<b>3.062</b>
Thu nhập khác	(38)	32	98	98
Lợi nhuận trước thuế	2.055	2.993	2.918	3.062
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>1.655</b>	<b>2.392</b>	<b>2.354</b>	<b>2.470</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>1.393</b>	<b>1.996</b>	<b>1.932</b>	<b>2.040</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	262	326	422	430
EPS cơ bản (VND)	4.221	6.048	5.855	6.182
Giá trị sổ sách (VND)	18.803	19.145	21.779	21.698
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	4.000	4.000	3.500	4.000
EBIT	2.239	3.123	3.060	3.239
EBITDA	2.694	3.590	3.297	3.476
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	-3%	22%	-3%	15%
EBITDA	-17%	33%	-8%	-2%
EBIT	-20%	39%	-2%	6%
Lợi nhuận ròng	-19%	45%	-2%	5%
Vốn chủ sở hữu	1%	2%	31%	0%
Vốn điều lệ	0%	0%	15%	0%
Tổng tài sản	4%	6%	23%	-2%
<b>Định giá</b>				
P/E	11,73	8,18	8,45	8,01
P/B	2,60	2,30	2,18	2,1
Giá/Doanh thu	3,80	2,96	3,04	2,58
Tỷ suất cổ tức	8,1%	8,1%	7,1%	8,6%
EV/EBITDA	4,70	5,74	5,58	6,43
EV/Doanh thu	4,20	5,60	5,14	5,05
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	22,9%	27,0%	27,4%	25,0%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	28,9%	33,6%	33,1%	30,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	22,9%	27,0%	27,4%	25,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,2%	0,9%	1,0%	0,8%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,3%	1,8%	2,2%	2,2%
ROE	22,8%	33,2%	29,7%	28,3%
ROA	9,2%	12,7%	11,7%	11,5%

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

### Chiến lược thị trường

#### Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321